TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2022/HS-ST
Ngày: 11-01-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thơ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thái Văn Sơn

2. Ông Nguyễn Ngọc Cảnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thanh Thi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi-Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Diệu - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 230/2021/TLST-HS ngày 10 tháng 11 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 284/2021/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 12 năm 2021, đối với các bị cáo:

1/ Họ và tên: Trần Quốc T, sinh năm: 1991 tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Hộ khẩu thường trú: số 10A, đường Cao Thị Bèo, ấp M, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh và chỗ ở: ấp T, xã P, huyệnC, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn C và bà Nguyễn Thị L; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/11/2020 đến ngày 18/11/2020 được trả tự do, đến ngày 29/4/2021 bị bắt để tạm giam đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2/ Họ và tên: Trần Văn N, sinh năm: 1985 tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Ấp M, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 02/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn C và bà Trần Thị N; bị cáo có vợ và 01 con sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

1/ Trần Quốc T, sinh năm: 1991; chỗ ở: ấp T, xã P, huyệnC, Thành phố Hồ Chí Minh; *(Có mặt)*

2/ Trần Văn N, sinh năm: 1985; chỗ ở: Ấp M, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. *(Có mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 13 giờ 00 ngày 15/11/2020, Trần Quốc T và Trần Văn N cùng đi đám giỗ tại nhà của ông Lê Văn S thuộc ấp M, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại đây, T và N xảy ra mâu thuẫn, xô xát và được người dân can ngăn. N về nhà lấy 01 đoạn ống nhựa màu đen, dài khoảng 56cm, hai đầu ống kim loại, mỗi đoạn dài khoảng 9cm, mỗi đầu có ốc vặn hình lục giác (ống thủy lực) và điều khiển xe mô tô biển số 51Y2-5056 đến trước nhà của T tại số 10A đường Cao Thị Bèo, ấp M, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại đây, N chửi, thách thức T. T chạy ra chuồng bò sau nhà lấy 01 cây phảng dài khoảng 80cm, cán bằng gỗ dài 40cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 40cm đi ra vị trí N đứng. Lúc này, T cầm cây phảng bằng tay trái chém vào tay trái của N, N cầm 01 đoạn ống thủy lực bằng tay phải đánh vào ngón tay V của bàn tay phải của T. T và N tiếp tục cầm hung khí ôm vật lộn nhau một lúc thì cả hai làm rơi hung khí và té xuống mương khô gần đó. Công an xã Phước Thạnh đang đi tuần tra trên đường Cao Thị Bèo phát hiện vụ việc nên can ngăn và đưa N đi cấp cứu. Công an lập biên bản phạm tội quả tang đối với T và đưa T về trụ sở làm việc.

Ngày 27/11/2020, Trần Văn N làm đơn tố cáo Trần Quốc T về hành vi cố ý gây thương tích.

Ngày 24/3/2021, Trần Quốc T làm đơn yêu cầu khởi tố vụ án hình sự đối với Trần Văn N về hành vi cố ý gây thương tích, đe dọa giết người, vu khống. Qua điều tra, không có căn cứ xác định Trần Văn N có hành vi de dọa giết người và vu khống nên không xử lý về tội đe dọa giết người và vu khống.

Tại Bản cáo trạng số: 227/CT-VKS.CC ngày 03/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi đã truy tố: Bị cáo Trần Quốc T về tội "Cố ý gây thương tích" quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 của Bộ luật hình sự và bị cáo Trần Văn N về tội "Cố ý gây thương tích" quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên Toà, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

Điểm c khoản 3 Điều 134; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trần Quốc T mức án từ 05 năm đến 06 năm tù;

Điểm a khoản 1 Điều 134, điểm i,s khoản 1 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trần Văn N mức án từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Về xử lý vật chứng, đề nghị:

Tịch thu tiêu hủy 01 cây phảng dài khoảng 80cm, cán bằng gỗ dài 40cm, lưỡi bằng kim loại dài 40cm; 01 đoạn ống nhựa màu đen, dài khoảng 56cm, hai đầu ống kim loại, mỗi đầu có ốc vặn hình lục giác dài 09cm; 01 cái bóp da màu nâu; 01 đôi dép nam màu đỏ có chữ ISI;

Trả lại cho bị cáo T 01 xe mô tô hiệu Yamaha Exciter màu xanh trắng, biển số 59D1-239.17, số máy 55P1030334, số khung RLCE55P10BY03033301, điện thoai di động hiệu Oppo, màu đỏ, IMEI 1: 869383035451673,01 giấy đăng ký xe biển số 59D1-239.17 do Nguyễn Văn V đứng tên và số tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: 175.500 đồng.

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước 01 xe mô tô hiệu PREALMII màu nâu, biển số 51Y2-5056, số máy FMG-119149, số khung PCH0021R-119149;

Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo T không yêu cầu bị cáo N bồi thường thiệt hại, nên không xem xét; Đề nghị ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo T bồi thường cho bị cáo N số tiền 216.020.000đồng.

Tại phiên tòa, các bị cáo Trần Quốc T và Trần Văn N thừa nhận Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi truy tố các bị cáo về tội "Cố ý gây thương tích" theo Bản cáo trạng số: 227/CT-VKS.CC ngày 03/11/2021 là đúng, không oan sai gì cho bị cáo.

Lời nói sau cùng của các bị cáo:

Đối với bị cáo N: Đã ăn năn, hối cải về lỗi lầm của mình, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, xin được hưởng án treo để lao động phụ gia đình nuôi con nhỏ.

Đối với bị cáo T: Đã ăn năn, hối cải về lỗi lầm của mình, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng: Về hành vi, các quyết định Tố tụng của Cơ quan điều tra, điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn N đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội: Vào khoảng 13 giờ 00 phút ngày 15/11/2020, đường Cao Thị Bèo, ấp M, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo Trần Văn N dùng tay phải cầm 01 đoạn ống nhựa màu đen, dài khoảng 56cm, hai đầu ống kim loại, mỗi đoạn dài khoảng 9cm, mỗi đầu có ốc vặn hình lục giác (ống thủy lực) là hung khí nguy hiểm đánh vào ngón tay V của bàn tay phải của Trần Quốc T thương tích cho T.

Bị cáo Trần Quốc T thừa nhận: Vào khoảng 13 giờ 00 phút ngày 15/11/2020, đường Cao Thị Bèo, ấp M, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo dùng tay phải cầm 01 cây phảng dài khoảng 80cm, cán bằng gỗ dài 40cm, lưỡi bằng kim loại dài 40cm là hung khí nguy hiểm chém vào tay trái Trần Văn N gây thương tích cho bị cáo N.

Sau đó các bị cáo tiếp tục cầm hung khí ôm vật lộn nhau một lúc thì cả hai làm rơi hung khí và té xuống mương khô gần đó thì được Công an xã Phước Thạnh can ngăn.

Căn cứ vào bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số: 1268/TgT.20 ngày 08/01/2021 của Trung tâm pháp y- Sở y tế Thành phố Hồ Chí Minh đối với Trần Văn N như sau:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

Vết thương đứt gần lìa 1/3 giữa cẳng tay trái gây đứt động mạch và thần kinh trụ, gân gấp và duỗi cổ tay trụ, gãy hai xương cẳng tay đã được điều trị mổ kết hợp xương, khâu nối gân, động mạch, thần kinh, hiện còn:

+ Một sẹo chém kích thước 11,2x0,2cm;

+ Hai sẹo mổ dọc kích thước 7,2x(0,2x0,3)cm và 9,4x0,2cm;

+ Hình ảnh kết hợp xương trên phim Xquang.

+ Tổn thương thần kinh giữa, trụ, quay ngay tại vị trí vết thương trên điện cơ đồ.

+ Hạn chế vận động cổ bàn ngón tay, tê cổ bàn ngón.

2. Theo Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ y tế quy định tỉ lệ tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần:

Tỉ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 43%.

3. Kết luận khác:

+ Vết thương trên do vật sắc, vật sắc nhọn tác động gây ra.

+ Không đủ cơ sở xác định chiều hướng.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 59/TgT.21 ngày 01/02/2021 của Trung tâm pháp y Sở y tế Thành phố Hồ Chí Minh đối với Trần Quốc T như sau:

1. Dấu hiệu chính qua giám định

Đa chấn thương phần mềm đã được điều trị, hiện:

+ Không còn sưng bầm vùng thái dương trái

Thông tư 22/2019/TT-BYT không qui định tỉ lệ về sưng bầm.

Nghĩ nhiều do vật tày tác động gây ra.

+ Còn một sẹo vùng lưng trên trái cạnh cột sống kích thước 0,8x0,1cm

Có tỉ lệ 01%.

Thương tích trên do vật tày có cạnh, vật sắc, vật sắc nhọn hoặc vật có cạnh sắc tác động gây ra.

Chấn thương gây gãy kín đốt gần ngón V tay phải đã được điều trị, hiện còn:

+ Một sẹo mổ kích thước 2,3x0,1cm

Có tỉ lệ 08%.

Thương tích do vật tày tác động gây ra.

2. Theo Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ y tế quy định tỉ lệ tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần:

Tỉ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 09%.

4. Kết luận khác:

Hung khí như bản ảnh cung cấp gây ra được tất cả các chấn thương trên.

Không đủ cơ sở xác định chiều hướng.

Theo bản kết luận giám định pháp y về ADN số: 1404-2020/ADN ngày 01/02/2021 của Trung tâm pháp y- Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận: AND của Trần Văn N có hiện diện trong mẫu vết nâu đỏ trên lưỡi cây phảng.

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa là khách quan, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các kết luận giám định pháp y, lời khai của người làm chứng cùng với các tài liệu, chứng cứ khác thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, có đủ cơ sở để xác định:

Bị cáo N dùng hung khí nguy hiểm gây thương tích cho bị cáo T với tỷ lệ thương tật là 08% (01% không xác định được do quá trình vật lộn giữa 02 bị cáo) và bị cáo T dùng hung khí nguy hiểm gây thương tích cho bị cáo N với tỷ lệ thương tật là 43%. Hành vi nêu trên của các bị cáo Trần Quốc T và Trần Văn N đã phạm vào tội "Cố ý gây thương tích", tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 134 của Bộ luật hình sự. Cáo trạng số: 227/CT-VKS.CC ngày 03/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi đã truy tố đối với bị cáo Trần Quốc T về tội "Cố ý gây thương tích" quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 của Bộ luật hình sự và bị cáo Trần Văn N về tội "Cố ý gây thương tích" quy

định tại điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến sức khỏe của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự công cộng và an toàn xã hội. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là sai trái, phạm pháp, thế nhưng bị cáo vẫn thực hiện, chỉ với mục đích thỏa mãn động cơ cá nhân. Do vậy, cần có mức hình phạt nghiêm tương xứng với hành vi vi phạm đã gây ra để trừng trị, răn đe, giáo dục bị cáo trong đấu tranh, phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Tuy nhiên khi lượng hình, Hội đồng xét xử cần xem xét về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định.

Đối với bị cáo N :

Về tình tiết tăng nặng : Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, được Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi trao tặng Giấy khen đã có thành tích xuất sắc trong phong trào phòng chống tội phạm trên địa bàn huyện nên áp dụng điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Đồng thời, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có xác nhận của Chính quyền địa phương nơi cư trú sau khi xảy ra sự việc, đồng thời sau khi bị bị cáo T gây thương tích, bị cáo N bị tổn thương thần kinh giữa, trụ, quay ngay tại vị trí vết thương trên điện cơ đồ có khả năng tự cải tạo, di chứng có khó khăn trong lao động nên việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không cần phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù, cho bị cáo hưởng án treo có thời gian thử thách theo Điều 65 của Bộ luật hình sự là phù hợp.

Đối với bị cáo T:

Về tình tiết tăng nặng : Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[2] Về nghĩa vụ dân sự:

Tại phiên tòa, bị cáo N yêu cầu bị cáo T bồi thường số tiền điều trị là 56.900.000đồng và tiền thiệt hại về lao động là 159.120.000đồng, tổng cộng số tiền: 216.020.000đồng. Bị cáo T đồng ý theo yêu cầu của bị cáo N. Đây là sự thỏa thuận của các bị cáo, là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, nên ghi nhận.

[3] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 cây phảng dài khoảng 80cm, cán bằng gỗ dài 40cm, lưỡi bằng kim loại dài 40cm; 01 đoạn ống nhựa màu đen, dài khoảng 56cm, hai đầu ống kim loại, mỗi đầu có ốc vặn hình lục giác dài 09cm là vật chứng nên tịch thu tiêu hủy; 01 cái bóp da màu nâu và 01 đôi dép nam màu đỏ có chữ ISI, tại Tòa bị cáo không yêu cầu trả nên tịch thu tiêu hủy;

Đối với 01 xe mô tô hiệu Yamaha Exciter màu xanh trắng, biển số 59D1-239.17, số máy 55P1030334, số khung RLCE55P10BY030333 thu của bị cáo T. Quá trình điều tra và hồ sơ thể hiện của bị cáo mua hợp pháp nên trả lại cho bị cáo T; 01 xe mô tô hiệu PREALMII màu nâu, biển số 51Y2-5056, số máy FMG-119149, số khung PCH0021R-119149 thu của bị cáo N. Quá trình điều tra và hồ sơ thể hiện việc sử dụng xe của bị cáo N chưa rõ ràng nên tịch thu, nộp ngân sách nhả nước.

Đối với 01 điện thoai di động hiệu Oppo, màu đỏ, IMEI 1: 869383035451673; 01 giấy đăng ký xe biển số 59D1-239.17 do Nguyễn Văn V đứng tên và Tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: 175.500 đồng thu của bị cáo T, không sử dụng vào mục đích phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

[4] Các vấn đề khác: Không có.

[5] Về án phí: Các Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố các bị cáo Trần Quốc T và Trần Văn N phạm tội "Cố ý gây thương tích".

[1] Căn cứ vào điểm c khoản 3 Điều 134; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Quốc T 05 (năm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 29/4/2021(trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/11/2020 đến ngày 18/11/2020).

Căn cứ vào khoản 1 Điều 134; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn N 01 (một) năm tù, nhưng cho hưởng án treo; Thời gian thử thách là 02 năm tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Trần Văn N cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo có thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, bị cáo phải thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự, trường hợp bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[2] Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 01 cây phảng dài khoảng 80cm, cán bằng gỗ dài 40cm, lưỡi bằng kim loại dài 40cm; 01 đoạn ống nhựa màu đen, dài khoảng 56cm, hai đầu ống kim loại, mỗi đầu có ốc vặn hình lục giác dài 09cm ; 01 cái bóp da màu nâu và 01 đôi dép nam màu đỏ có chữ ISI.

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước 01 xe mô tô hiệu PREALMII màu nâu, biển số 51Y2-5056, số máy FMG-119149, số khung PCH0021R-119149.

Trả lại cho bị cáo Thái 01 xe mô tô hiệu Yamaha Exciter màu xanh trắng, biển số 59D1-239.17, số máy 55P1030334, số khung RLCE55P10BY030333, 01 điện thoai di động hiệu Oppo, màu đỏ, IMEI 1: 869383035451673; 01 giấy đăng ký xe biển số 59D1-239.17 do Nguyễn Văn V đứng tên và Tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: 175.500 đồng.

[3] Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ vào các Điều 357, 468, 590, 591 của Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Trần Quốc T có trách nhiệm bồi thường cho Trần Văn N số tiền 216.020.000 (Hai trăm mười sáu triệu hai mươi ngàn) đồng; Thời gian và cách trả: Trả một lần ngay khi án phát sinh hiệu lực phát luật.

Trường hợp bị cáo T chậm thi hành số tiền trên thì bị cáo còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thoả thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thoả thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[4] Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Trần Văn N phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Trần Quốc T phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 10.801.000 (Mười triệu tám trăm lẻ một ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Căn cứ vào Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự, thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,

7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Đã giải thích chế định án treo.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi;
- Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh;
- Công an huyện Củ Chi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu: hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thơ